

BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dự án: Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh, thành phố Quy Nhơn

Đợt 7: Đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc, mồ mả và cây trồng của các hộ gia đình, cá nhân, thuộc địa bàn phường Nhơn Phú

(Kèm theo Quyết định số: 2858/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 của UBND thành phố)

T T	Họ và tên, địa chỉ	Số liệu về đất đo đạc năm 2016, 2021					Nội dung bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Khối lượng	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
		Tờ BĐ	Thứ a số	Diện tích (m ²)	DT thu hồi (m ²)	DT còn lại (m ²)						
14	Nguyễn Tấn Minh, bà Phạm Thị Bích Lành						Giải tỏa 01 phần					772.832.926
	Tổ 3, KV6, P. Nhơn Phú	2	40	136,0	72,7	63,3	*Bồi thường, hỗ trợ về đất:					381.363.920
	Xác nhận của UBND phường Nhơn Phú tại Văn bản số 61/BC-UBND ngày 19/2/2022:						Bồi thường đất ở có nhà hình thành sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004, vị trí hẻm rộng từ 2-5m đường Hùng Vương	m ²	45,5		8.000.000	364.320.000
	*Số nhân khẩu trong hộ khẩu 03; số cấp vợ chồng sống trong hộ khẩu: 01, số nhân khẩu thực tế cư trú: 03.						Trừ 100% tiền sử dụng đất theo quy định (Đoạn còn lại của hẻm 2-5m đường Hùng Vương, đơn giá: 20% x 9.300.000 đồng/m ² = 1.860.000 đồng/m ²)	m ²	45,5	1,2	-1.860.000	-101.645.280
	*Thửa đất bị ảnh hưởng dự án:						Bồi thường đất vườn	m ²	27,2		370.000	10.049.200
	- Bản đồ 299: Một phần thửa đất số 382, thuộc tờ bản đồ số 02, diện tích: 745m ² , loại đất lúa, sổ mục kê ghi tên chủ sử dụng: Phạm Văn Học (cá thể).						Hỗ trợ đất vườn (50% đơn giá đất ở)	m ²	27,2	0,5	8.000.000	108.640.000
	- Bản đồ năm 2001: Một phần thửa đất số 39, tờ bản đồ số 37, diện tích 940,8m ² , loại đất màu; hồ sơ kỹ thuật thửa đất ghi tên chủ sử dụng: Phạm Văn Học.						*Bồi thường, hỗ trợ về nhà:					321.892.350
	- Bản đồ đo đạc hiện trạng năm 2021: Thửa đất số: 40, tờ bản đồ số: 02, diện tích: 136,0m ² , loại đất: OĐT (Đất ở đô thị), hồ sơ kỹ thuật thửa đất ghi tên chủ sử dụng: Phạm Thị Bích Lành.						Nhà (N5) 1 tầng, senô BTCT, mái tole, trần nhựa, 01 phần không trần, nền lát gạch ceramic, 01 phần nền xi măng, tường xây gạch sơn nước không bả matit, chiều cao trung bình mái 4,0m (hệ số 1,1): 5,1*(10,4+10,3)/2 + 5,0*5,1= 78,29m ² (trong đó: phần nhà nằm trong diện tích thu hồi đất 45,54m ² , ảnh hưởng kết cấu 32,74m ²)	m ²	78,29	1,1	3.130.000	269.535.255
	- Diện tích thu hồi: 72,7m ² /136,0m ² .						Trừ nhà không trần nhựa: 5,0*5,1	m ²	25,50		-150.000	-3.825.000
	- Nguồn gốc sử dụng đất: đất của gia đình ông Phạm Văn Học sử dụng vào mục đích nông nghiệp, sau đó cho lại bà Phạm Thị Bích Lành (chủ hộ không cung cấp giấy tờ cho tặng), thời điểm hình thành nhà ở và vật kiến trúc sau năm 2001 trước ngày 01/07/2004.						Chênh lệch giá trị giữa nền lán XM và nền lát gạch ceramic: 28.000 đ/m ² - 200.000 đ/m ² = - 172.000 đ/m ² ; 5,1*5,0	m ²	25,50		-172.000	-4.386.000
	- Diện tích thu hồi: 72,7m ² đất của gia đình ông Phạm Văn Học sử dụng vào mục đích nông nghiệp, sau đó cho lại bà Phạm Thị Bích Lành (chủ hộ không cung cấp giấy tờ cho tặng), thời điểm hình thành nhà ở và vật kiến trúc sau năm 2001 trước ngày 01/07/2004, sử dụng đến nay, không tranh chấp. Hiện không còn chỗ ở nào khác trên địa bàn phường Nhơn Phú.						Điện trong nhà	m ²	78,29		167.000	13.073.595
	*Căn cứ Báo cáo số 138/BC-UBND ngày 06/4/2022 của UBND phường Nhơn Phú về việc xác nhận bổ sung nguồn						Nước trong nhà	m ²	78,29		100.000	7.828.500
							Vệ sinh trong nhà (hệ số 0,15): 2,9*2,0	m ²	5,80	0,15	3.130.000	2.723.100
							Ôp gạch men tường vệ sinh, cao 1,7m: (2,9+2,9+2,0+2,0)*1,7-(0,6*1,7)	m ²	15,64		278.000	4.347.920
							Hệ thống phân ngấm nhà vệ sinh (B6)	ht	1,00		7.584.000	7.584.000
							Đá granit bếp: 3,0*1,0+1,0*0,5*2 tấm	m ²	4,00		732.000	2.928.000
							Ôp gạch men tường bếp : 2,6*1,0	m ²	2,60		278.000	722.800
							Ôp gạch men tường nhà: 1,5*(10,3+10,4+5,1+3,75+3,75+3,75+3,75+3,1+3,1+3,1)	m ²	75,15		278.000	20.891.700

BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dự án: Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh, thành phố Quy Nhơn

Đợt 7: Đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc, mồ mả và cây trồng của các hộ gia đình, cá nhân, thuộc địa bàn phường Nhơn Phú

(Kèm theo Quyết định số: 2858/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 của UBND thành phố)

T T	Họ và tên, địa chỉ	Số liệu về đất đo đạc năm 2016, 2021					Nội dung bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Khối lượng	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
		Tờ BĐ	Thứ a số	Diện tích (m ²)	DT thu hồi (m ²)	DT còn lại (m ²)						
	<p>gốc sử dụng đất của hộ: Đất của gia đình ông Phạm Văn Học sử dụng vào mục đích nông nghiệp, sau đó cho lại bà Phạm Thị Bích Lành (chủ hộ không cung cấp giấy tờ cho tặng), thời điểm ông Học cho đất bà Lành sau năm 2001 trước ngày 01/07/2004, thời điểm hình thành nhà ở và vật kiến trúc của gia đình bà Lành sau năm 2001 trước ngày 01/07/2004. - Diện tích thu hồi: 72,7m² đất của gia đình ông Phạm Văn Học sử dụng vào mục đích nông nghiệp, sau đó cho lại bà Phạm Thị Bích Lành (chủ hộ không cung cấp giấy tờ cho tặng), thời điểm ông Học cho đất bà Lành sau năm 2001 trước ngày 01/07/2004, thời điểm hình thành nhà ở và vật kiến trúc của gia đình bà Lành sau năm 2001 trước ngày 01/07/2004, sử dụng đến nay, không tranh chấp. Hiện không còn chỗ ở nào khác trên địa bàn phường Nhơn Phú.</p>						Đá granit trang thờ: 0,8*0,8	m ²	0,64		732.000	468.480
							*Bồi thường, hỗ trợ về vật kiến trúc: hỗ trợ 80%					43.831.832
							Hiên tole (N19): 4,9*5,1	m ²	24,99	0,8	308.000	6.157.536
							Nền lát đá granit dưới hiên: 4,9*5,1	m ²	24,99	0,8	732.000	14.634.144
							Song sắt hàng rào: 1,5*(5,4+5,2+2,7+2,0)	m ²	22,95	0,8	388.000	7.123.680
							Công sắt mở kiểu ray (Tr5): 2,2*1,8	m ²	3,96	0,8	1.461.000	4.628.448
							Dàn sắt (treo lan): 4,3*5,2	m ²	22,36	0,8	388.000	6.940.544
							Sân xi măng trước nhà (S4): 4,3*5,2	m ²	22,36	0,8	162.000	2.897.856
							Sân lát gạch ceramic (S3): 1,9*5,1	m ²	9,69	0,8	187.000	1.449.624
							*Bồi thường về cây trồng:					4.744.824
							Phát tài đk > 10cm	cây	40		84.000	3.360.000
							Bầu có quả tốt	m ²	22		8.400	187.824
							Hỗ trợ công di chuyển chậu kiếng có kích thước 1,2m x 1,6m	chậu	2		315.000	630.000
							Hỗ trợ công di chuyển lúi chậu kiếng có đk < 30cm (hỗ trợ 50% đơn giá)	chậu	45		5.250	236.250
							Hỗ trợ công di chuyển lúi chậu kiếng có đk ≥ 30cm đến < 50cm (hỗ trợ 50% đơn giá)	chậu	15		15.750	236.250
							Hỗ trợ công di chuyển lúi chậu kiếng có đk ≥ 50cm đến < 100cm (hỗ trợ 50% đơn giá)	chậu	3		31.500	94.500
							*Các khoản hỗ trợ khác:					21.000.000
							Hỗ trợ tiền thuê nhà ở đối với hộ có nhà ở bị giải tỏa một phần nhà (Điều 33, QĐ 13): 2.500.000 đ/th x 4 tháng	hộ	1		10.000.000	10.000.000
							Bồi thường về di chuyển lúi tài sản đối với nhà N5 bị giải tỏa một phần (khoản 2 Điều 30 QĐ 04): 50% x 3.000.000 đồng	hộ	1		1.500.000	1.500.000
							Hỗ trợ tiền trong thời gian xây nhà ở đối với hộ có nhà ở bị giải tỏa một phần (khoản 8, Điều 40, QĐ 04): 1.500.000 đ/th x 3 tháng	hộ	1		4.500.000	4.500.000
						Thưởng đề đẩy nhanh tiến độ GPMB đối với nhà N5 trong vòng 20 ngày	hộ	1		5.000.000	5.000.000	